INDUSVINA COMPANY LIMITED
178E Đường số 6, P. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0312499465 | www.indusvina.com
info@indusvina.com
Hotline / Zalo / WhatsApp: +84 979 823 639

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

SKU #368 | THÉP HỘP VUÔNG 40 × 40 MM

BẢNG CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP / TIÊU CHUẨN THAM CHIẾU

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ / GIỚI HẠN	NGUỒN / PHÉP THỬ
Kích thước ngoài	40 × 40 mm	Quy cách
Chiều dày t	1,0–3,0 mm (dải tham khảo)	Quy cách
Diện tích tiết diện lý thuyết	$A=160t-4t^2$ mm² (góc vuông)	Hình học
Khối lượng lý thuyết t=1,0	1,225 kg/m	Tính theo 7.850 kg/m³
Khối lượng lý thuyết t=1,5	1,849 kg/m	Tính theo 7.850 kg/m³
Khối lượng lý thuyết t=2,0	2,386 kg/m	Tính theo 7.850 kg/m³
Khối lượng lý thuyết t=2,5	2,944 kg/m	Tính theo 7.850 kg/m³
Khối lượng lý thuyết t=3,0	3,485 kg/m	Tính theo 7.850 kg/m³
Giới hạn chảy (Grade A)	≥230 MPa	ASTM A500
Độ bền kéo (Grade A)	≥310 MPa	ASTM A500
Giới hạn chảy (Grade B)	≥290 MPa	ASTM A500
Độ bền kéo (Grade B)	≥400 MPa	ASTM A500
Thành phần C/Mn/P/S	Theo mác và phương pháp luyện	ASTM A500
Thử kéo / uốn / kích thước	Theo phương pháp của tiêu chuẩn	ASTM A500 / EN 10219

NGUỒN TÀI LIỆU

ASTM A500/A500M; EN 10219. Các mức Grade A/B chỉ dùng khi thép được đặt theo đúng mác; khối lượng là lý thuyết chưa xét bán kính góc.

Thông số kỹ thuật được tổng hợp từ các tài liệu nghiên cứu, tiêu chuẩn và nguồn công bố có trích dẫn, dùng để tham khảo, không phải điều kiện bắt buộc đối với mọi lô hàng. INDUSVINA sẽ cung cấp báo giá kèm thông số kỹ thuật chính xác, đáp ứng các yêu cầu cụ thể của từng lô hàng.